

Bản án số:107/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Văn Mẫn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thanh N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ X, Ấp B, xã P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Minh S**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ Y, ấp M, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N, anh S vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Minh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 15-6-2011, số 55/2011, quyền số 02/2011. Hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh chị cũng như hai bên gia đình đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không thành mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Hai người sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị N yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Thiên A, sinh ngày 14/10/2010 và Nguyễn Nhật Thiên A1, sinh ngày 25/9/2015. Chị yêu

cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2021 và nội dung đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Văn Minh S trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của Chị N về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn. Tuy nhiên, anh đã cố gắng hòa giải để vợ chồng về chung sống với nhau nhưng Chị N không đồng ý. Nay Chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Thiên A, sinh ngày 14/10/2010 và Nguyễn Nhật Thiên A1, sinh ngày 25/9/2015. Khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung cho Chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa nên Chị N và anh S cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của Chị N. Về hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh S. Đề nghị giao 02 con chung Thiên A và Thiên A1 cho Chị N được nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Minh S có nơi cư trú tại ấp 1, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự của chị là nguyên đơn, anh S là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Ngày 06/12/2021, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được do các đương sự vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207;

khoản 2 Điều 208; khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đồng thời đã thông báo kết quả phiên họp cho đương sự vắng mặt biết.

- Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị N và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định vào ngày 15-6-2011, số 55/2011, quyển số 02/2011. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm kéo dài, đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ giữa năm 2021 Chị N và anh S không còn chung sống với nhau cho đến nay. Như vậy các bên đương sự đều có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 12/11/2021 cũng phù hợp với lời khai đương sự. Như vậy anh chị đã không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng tại Điều của 18 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định “*Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.*”.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị N và anh S đã trầm trọng, các đương sự đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 18 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho Chị N được ly hôn với anh S. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Về nuôi con chung: Chị N và anh S thỏa thuận cùng đồng ý giao hai con chung cho Chị N nuôi dưỡng. Cháu Ân là con chung hiện đã đủ 11 tuổi có nguyện vọng muốn ở với Chị N, để ổn định cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho các con chung, đồng thời sự thỏa thuận của các bên đương sự cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao hai con chung Thiên A và Thiên A1 cho Chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời miễn cho anh Nhã nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình 2014. Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung anh S có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S trình bày không có, không yêu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải nộp số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 18, 85, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh N.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn Minh S.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật Thiên A, sinh ngày 14/10/2010 và Nguyễn Nhật Thiên A1, sinh ngày 25/9/2015 cho chị Võ Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời miễn cho anh S nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Thanh N phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ Chị N đã nộp theo biên lai thu số 000208 ngày 02-11-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thịnh (số 55/2011, quyền số: 02/2011, ngày 15/6/2011) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

